TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2019/DS-PT
Ngày: 12/4/2019
V.v: *Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Mạnh Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Đinh Trung Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2018/TLPT-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST, ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2144/2019/QĐ-PT, ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1943. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1959. Có mặt.

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H: Ông Lê Văn C, sinh năm 1959.

Các đương sự nêu trên hiện nay đều có địa chỉ tại: Khu dân cư MS, phường TH, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: 162 NT, phường SĐ, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Minh H, sinh năm 1982. Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố CL (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2019). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phả Lại Hải Dương II. Người đại diện: Bà Phùng Thị H, sinh năm 1984. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Văn N và bị đơn ông Lê Văn C.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Vũ Văn N trình bày: Bố mẹ ông là cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Đ1, có 02 người con là ông và bà Vũ Thị H. Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản là nhà đất tại TH, CL, Hải Dương và một số tài sản khác trên đất. Năm 1974 ông chuyển ra ở riêng, chỉ còn bà H ở với hai cụ. Năm 1982 bà H kết hôn cùng ông Lê Văn C và cũng chuyển ra ở riêng. Năm 1990 cụ Đ1 chết. Năm 1992 cụ Đ nói ông là người thờ cúng nên giao cho ông toàn bộ tài sản của hai cụ, việc này không lập thành văn bản và cũng không có ai chứng kiến. Năm 2008 ông C và bà H xây nhà trên đất của hai cụ. Cụ Đ ở đó đến năm 2014 thì chết. Hiện toàn bộ nhà đất đều do ông C và bà H quản lý. Sau khi cụ Đ chết ông mới biết ông C, bà H được cụ Đ tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất của hai cụ và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ). Trước khi chết hai cụ không để lại di chúc. Ông xác định chữ ký Vũ Văn Đ trong hồ sơ cho tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C, bà H không phải chữ ký của cụ Đ. Ông N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 106, tờ bản đồ số 08 ở TH, CL, Hải Dương, diện tích 688m^2 cùng các tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp IV 40m^2 lợp ngói đỏ; 01 nhà cấp IV 20m^2 lợp ngói đỏ; 01 sân gạch 60m^2 lát gạch chỉ đỏ; 01 giếng khơi sâu 8m xây bằng đá; 01 cây nhãn 60 tuổi; tường bao cao l,5m, dài l6m xây gạch ống đỏ đồng thời yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) huyện CL đã cấp cho ông C, bà H tại thửa đất trên.

- Bị đơn là ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H trình bày: Nhất trí về mối quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Đ1 và cụ Đ chết, các con của hai cụ như ông N trình bày. Năm 1983 ông C kết hôn cùng bà H, vợ chồng ông sống riêng nhưng cuối tuần vẫn về chăm sóc hai cụ. Năm 1990 cụ Đ1 chết. Năm 1991 cụ Đ tập trung các con để xây nhà và chăm sóc cụ nhưng ông N không đồng ý nên chỉ có vợ chồng ông chăm sóc cụ. Năm 2008 cụ Đ cho tặng vợ chồng ông quyền sử dụng đất tại thửa đất của hai cụ, sau đó vợ chồng ông xây nhà trên đất, cụ Đ ở đó đến năm 2014 thì chết. Từ đó đến nay vẫn do vợ chồng ông quản lý, sử dụng nhà đất. Ông xác định việc cụ Đ cho tặng vợ chồng ông quyền sử dụng đất là có thật, thủ tục cho tặng và thủ tục xin cấp GCNQSDĐ của vợ chồng ông đều tuân

thủ theo đúng quy định của pháp luật nên xác định hai cụ không còn di sản thừa kế để chia. Vì vậy vợ chồng ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn Sinh đại diện cho UBND thị xã CL (nay là thành phố CL) trình bày: Ngày 07/9/2007, cụ Đ có đơn đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ngày 02/10/2008 lập hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất tại thửa 106, diện tích 688m^2 cho vợ chồng ông C, bà H. Sau khi thẩm tra hồ sơ thì ngày 29/10/2008 UBND huyện CL (nay là thành phố CL) đã cấp GCNQSDĐ số AB604855 cho ông C và bà H đối với 688m^2 tại thửa 106, tờ bản đồ số 8 TH, CL. UBND thị xã CL (nay là thành phố CL) xác định hồ sơ cho tặng quyền sử dụng đất giữa cụ Đ với ông C, bà H và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông C, bà H đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông N. Trong quá trình xem xét nếu có sai sót, UBND thị xã CL (nay là thành phố CL) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 04/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 274 BLTTDS 2015; khoản 4 Điều 32 LTTHC 2015; điểm d khoản 2 Điều 106 LĐĐ 2013; điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 135, Điều 137, Điều 165, khoản 1 Điều 410 BLDS 2005; khoản 1 Điều 611, khoán 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 BLDS 2015; Điều 15 Luật HNGĐ 1986; Điều 2 Luật người cao tuổi 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn N về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Đ1 đối với ngôi nhà cấp IV và sân gạch trên thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương. Ông N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần tài sản này nếu vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

2. Tuyên bố hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất ngày 02/10/2008 giữa bên cho tặng là cụ Vũ Văn Đ với bên nhận là ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H vô hiệu một phần.

- Xác định quyền sử dụng 344m^2 trong 688m^2 đất tại thửa số 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ1.

- Xác định hợp đồng tặng cho phần tài sản thuộc quyền sử dụng của cụ Vũ Văn Đ và kỷ phần cụ Đ được hưởng trong di sản thừa kế của cụ Đ1 có hiệu lực pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn N:

- Hủy GCNQSDĐ số AB 604855 do UBND huyện CL (nay là thành phố CL) cấp ngày 29/10/2008 cho ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H đối với 688m^2 đất tại thửa 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương;

- Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ1 là quyền sử dụng 344m^2 đất và di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Đ1, cụ Vũ Văn Đ gồm 01 giếng nước, 01 cây nhãn, tường bao trên đất, tại thửa số 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương theo pháp luật.

- Công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H về việc xác định toàn bộ phần di sản bà H được nhận thừa kế là tài sản chung vợ chồng và ông bà cùng có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật.

- Phân chia di sản theo giá trị:

+ Trích trả công sức trông coi, duy trì, quản lý di sản cho ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H số tiền 23.952.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Ông Vũ Văn N được hưởng phần di sản có giá trị là 76.272.000đ (Bảy mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng), ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H được hưởng phần di sản có giá trị là 148.128.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Phân chia di sản theo hiện vật:

+ Giao cho ông Vũ Văn N 103,2m^2 tại thửa 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương, phía Đông giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất của hộ bà Trần Thị Thanh, được ký hiệu là AXYZ (có sơ đồ kèm theo).

+ Giao cho ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H 240,8m^2 đất tại thửa 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương; tạm giao cho ông C, bà H 188,5m^2 đất đối phía Tây thửa đất 106; 344m^2 đất tại thửa 106 ông C, bà H được cụ Đ tặng cho hợp pháp; tổng là 773,3m^2, được ký hiệu là ZYXBCDEFGHIK (có sơ đồ kèm theo) cùng các tài sản trên đất gồm giếng nước, cây nhãn, tường bao.

+ Ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H có trách nhiệm trả cho ông Vũ Văn N chênh lệch giá trị di sản được hưởng là 4.416.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/7/2018, nguyên đơn ông Vũ Văn N kháng cáo, đề nghị chia đều phần chia di sản thừa kế cho ông và bà H.

Ngày 16/7/2018, bị đơn ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giải quyết lại vụ án.

Ngày 02/8/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT-VC1-DS kháng nghị toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Bị đơn ông Lê Văn C và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Vũ Thị H trình bày đã nhận được Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, thừa nhận tài sản đang tranh chấp thừa kế theo GCNQSDĐ số AB 604855 do UBND huyện CL (nay là thành phố CL) cấp ngày 29/10/2008 cho ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H đối với 688m^2 đất tại thửa 106, tờ bản đồ số 8 phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương đang được thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chi nhánh Phả Lại Sao Đỏ (nay là Agribank chi nhánh Phả Lại Hải Dương II) để đảm bảo cho khoản tiền vay 1.350.000.000 đồng. Hiện vợ chồng ông chưa trả được Ngân hàng cả tiền gốc, lãi… Đại diện Ngân hàng xác nhận lời khai của ông C là đúng sự thực, hiện Ngân hàng đang quản lý GCNQSDĐ số AB 604855 do UBND huyện CL (nay là thành phố CL) cấp ngày 29/10/2008 cho ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H để đảm bảo cho khoản tiền vay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 20/QĐKNPT-VC1- DS ngày 02/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, căn cứ Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng Dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự gồm: Ông Vũ Văn N, ông Lê Văn C, Đại diện Ngân hàng nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 8 tại phường TH, thị xã CL (nay là thành phố CL), tỉnh Hải Dương có diện tích 688m^2 (thực tế 876,5m^2) đang tranh chấp là của cụ Vũ Văn Đ, sinh năm 1918 và cụ Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1919, trên đất có nhà cấp IV và tài sản đã được cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Đ. Năm 1990 cụ Đ1 chết. Năm 2008 cụ Đ lập hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho con gái và con rể là Vũ Thị H, Lê Văn C. Ngày 29/10/2008 UBND huyện CL (nay là thành phố CL) đã cấp GCNQSDĐ số AB 604855 mang tên vợ chồng bà Vũ Thị H, ông Lê Văn C.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ngày 09/10/2015, vợ chồng bà H, ông C đã ký Hợp đồng tín dụng số 150900115/HĐTD, thế chấp quyền sử dụng thửa đất nêu trên tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank chi nhánh Phả Lại Sao Đỏ, nay là Agribank chi nhánh Phả Lại Hải Dương II (Viết tắt: Ngân hàng) để đảm bảo cho khoản tiền vay 1.350.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng. Tính đến ngày 18/7/2018, bà H và ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.723.207.500 đồng (trong đó nợ gốc 1.350.00.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 341.887.500 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.320.000 đồng). Do vợ chồng ông C, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên năm 2017, 2018 Ngân hàng đã và đang tiến hành các thủ tục nhằm xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Hiện nay bản gốc GCNQSDĐ số AB 604855 do UBND huyện CL (nay là thành phố CL) cấp ngày 29/10/2008 cho ông Lê Văn C và bà Vũ Thị H vẫn do Ngân hàng quản lý để đảm bảo cho khoản tiền vay.

[2.2] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại đoạn 2 khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[3] Với nhận định, phân tích nêu trên, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các đương sự trong vụ án về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án để đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là chính xác, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì lý do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại nên chưa cần thiết giải quyết những yêu cầu kháng cáo của đương sự về nội dung vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 68, khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT-VC1-DS ngày 02/8/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh

Hải Dương. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Ông Lê Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Lê Văn C số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0001596 ngày 02/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

- Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hải Dương;*
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HCTP, HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh